ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 154/2026/QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 25 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về bàn giao, tiếp nhận đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội tại các dự án khu dân cư, khu đô thị, khu nhà ở được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn không phải từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 02/2024/NĐ-CP của Chính phủ về việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 741/TTr-SXD ngày 22/10/2026 và Báo cáo số 705/BC-SXD ngày 16/11/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về bàn giao, tiếp nhận đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội tại các dự án khu dân cư, khu đô thị, khu nhà ở được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn không phải từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này

1. Quy định về bàn giao, tiếp nhận đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội tại các dự án khu dân cư, khu đô thị, khu nhà ở được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn không phải từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Phụ lục: Danh mục công trình, hạng mục công trình bàn giao.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) triển khai thực hiện Quyết định này; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện và định kỳ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2026, bãi bỏ Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc quy định bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật của các dự án khu dân cư, khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Công Thái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về bàn giao, tiếp nhận đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội tại các dự án khu dân cư, khu đô thị, khu nhà ở được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn không phải từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số 154/2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân cấp, nguyên tắc và các nội dung cụ thể trong việc bàn giao, tiếp nhận quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội tại các dự án khu dân cư, khu đô thị, khu nhà ở được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn không phải từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Đối với khu nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp, việc quản lý hạ tầng thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế.

2. Các nội dung khác liên quan đến bàn giao, tiếp nhận tài sản không được quy định trong Quy định này được áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư các dự án khu dân cư, khu đô thị, khu nhà ở được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn không phải từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi chung là Chủ đầu tư hoặc Bên bàn giao).

2. Các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, đơn vị chuyên ngành có liên quan đến công tác bàn giao, tiếp nhận, quản lý, khai thác, sử dụng và bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi chung là Bên tiếp nhận).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật trong Quy định này gồm: Công trình đường giao thông; công trình cấp nước (bao gồm cả cấp nước phòng cháy, chữa cháy); công trình thoát nước và xử lý nước thải; công trình thoát nước mưa; công trình cấp điện; công trình chiếu sáng; công trình hào và tuy nen kỹ thuật; công trình viễn thông.

2. Công trình hạ tầng xã hội trong Quy định này gồm: Công viên - cây xanh; vườn hoa; sân chơi; sân thể thao; mặt nước - hồ cảnh quan; hồ điều hòa phục vụ cộng đồng (không bao gồm hồ sự cố, hồ kỹ thuật trong hệ thống xử lý nước cấp hoặc nước thải).

3. Bên tiếp nhận gồm:

a) Các đơn vị chuyên ngành được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp, giao quản lý tài sản hoặc giao quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp, giao nhiệm vụ tiếp nhận.

4. Bên bàn giao: Chủ đầu tư các dự án khu dân cư, khu đô thị, khu nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 4. Nguyên tắc bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội

1. Tùy theo điều kiện cụ thể của từng dự án, công trình đã hoàn thành có thể được tổ chức tiếp nhận, bàn giao toàn bộ dự án hoặc từng hạng mục công trình độc lập đã hoàn thành thi công xây dựng, được nghiệm thu theo quy định của pháp luật về xây dựng, bảo đảm chất lượng và tính kết nối đồng bộ của hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

2. Trường hợp công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội trước khi bàn giao có dấu hiệu không bảo đảm chất lượng theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt thì Bên tiếp nhận có quyền yêu cầu Chủ đầu tư tổ chức kiểm định xây dựng, đánh giá an toàn công trình theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Chi phí kiểm định xây dựng được xác định và thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức khắc phục các tồn tại, khiếm khuyết của công trình (nếu có) trước khi tổ chức bàn giao.

3. Việc tiếp nhận đối với công trình cấp điện, cấp nước sạch và viễn thông được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành (Nghị định số 02/2024/NĐ-CP đối với công trình cấp điện; Nghị định số 43/2022/NĐ-CP đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan).

Điều 5. Danh mục và kế hoạch bàn giao quản lý công trình

Nội dung, danh mục và kế hoạch bàn giao, tiếp nhận công trình thực hiện theo Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng và văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 31 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP và Điều 29 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Điều kiện bàn giao, tiếp nhận công trình

Các công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình hạ tầng xã hội thuộc phạm vi bàn giao của dự án chỉ được tổ chức bàn giao cho Bên tiếp nhận khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Đã hoàn thành thi công xây dựng theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

2. Đã hoàn thành công tác nghiệm thu về quản lý chất lượng công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Công trình xây dựng đã vận hành thử nghiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có).

4. Đáp ứng điều kiện để đưa công trình, hạng mục công trình vào khai thác, sử dụng theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

Điều 7. Phân cấp và trách nhiệm tiếp nhận bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội

1. Đơn vị chuyên ngành tiếp nhận bàn giao đối với:

a) Công trình cấp điện (trạm biến áp, đường dây trung áp, hạ áp) được bàn giao cho đơn vị điện lực (Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc đơn vị thành viên được phân cấp) quản lý, vận hành theo quy định của Luật Điện lực và Nghị định số 02/2024/NĐ-CP;

b) Công trình cấp nước sạch: Chủ đầu tư phối hợp với cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản cho đối tượng quản lý, khai thác theo đúng quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP;

c) Công trình viễn thông được bàn giao cho doanh nghiệp viễn thông quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận bàn giao đối với:

a) Công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ cộng đồng dân cư trên địa bàn xã quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này (trừ các công trình đã bàn giao cho đơn vị chuyên ngành theo quy định tại khoản 1 Điều này);

b) Công trình hạ tầng xã hội phục vụ công cộng trên địa bàn xã quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này.

3. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội thuộc dự án nằm trên địa bàn từ hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên hoặc các công trình hạ tầng kỹ thuật khung, công trình kết nối liên vùng, liên xã có tính chất kỹ thuật phức tạp: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan kiểm tra, tổng hợp và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định Bên tiếp nhận quản lý phù hợp với năng lực quản lý và đặc thù của công trình.

Điều 8. Hồ sơ, tài liệu bàn giao, tiếp nhận công trình

1. Chủ đầu tư lập 01 bộ hồ sơ, tài liệu để bàn giao cho Bên tiếp nhận. Hồ sơ bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội thực hiện theo quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 207/2026/NĐ-CP; hồ sơ bàn giao, tiếp nhận công trình điện thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 72 Luật Điện lực số 61/2024/QH15, Điều 7 Nghị định số 02/2024/NĐ-CP; công trình cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP. Bên tiếp nhận có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật về xây dựng và bảo quản trong suốt quá trình khai thác, sử dụng công trình.

2. Kèm theo hồ sơ quản lý sử dụng công trình là danh mục công trình, hạng mục công trình bàn giao lập theo hướng dẫn tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này để các bên kiểm tra, đối chiếu thực tế.

Điều 9. Xác định giá trị tài sản của công trình khi bàn giao

Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội thuộc diện bàn giao không bồi hoàn cho Nhà nước quản lý, khi thực hiện công tác bàn giao cho Bên tiếp nhận, ngoài các yêu cầu bảo đảm kỹ thuật và chất lượng, Bên bàn giao có trách nhiệm tính toán, xác định giá trị tài sản tại thời điểm bàn giao (sau khi giảm trừ giá trị hao mòn tài sản theo thời gian sử dụng) theo quy định của pháp luật về xây dựng, kế toán và quy định pháp luật có liên quan làm cơ sở để Bên tiếp nhận thực hiện tiếp nhận, theo dõi, hạch toán, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật chuyên ngành và quy chế tài chính của đơn vị.

Điều 10. Trách nhiệm của Bên bàn giao

1. Tổ chức lập danh mục và kế hoạch bàn giao quản lý trong dự án khu dân cư, khu đô thị, khu nhà ở theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Sau khi công trình đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 6 Quy định này, gửi văn bản đề nghị bàn giao kèm theo 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Quy định này đến Bên tiếp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP; Phối hợp với Bên tiếp nhận tổ chức thực hiện việc kiểm tra, bàn giao công trình và chuyển giao đầy đủ hồ sơ, tài liệu, xác định giá trị tài sản công trình theo quy định tại Điều 4, Điều 6, Điều 8 và Điều 9 Quy định này.

3. Thực hiện trách nhiệm bảo hành công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (Điều 32 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP) và kịp thời khắc phục các hư hỏng, khiếm khuyết phát sinh trong thời gian bảo hành.

Điều 11. Trách nhiệm của Bên tiếp nhận

1. Thực hiện các nội dung liên quan đến việc tiếp nhận, bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội được quy định tại Quy định này.

2. Tiếp nhận các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội đủ điều kiện tiếp nhận do Chủ đầu tư bàn giao; phối hợp kiểm tra hiện trạng, ký biên bản bàn giao, tiếp nhận và tiếp nhận đầy đủ hồ sơ quản lý công trình.

3. Tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng theo đúng công năng thiết kế và thực hiện công tác bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội sau khi tiếp nhận theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc phân cấp, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc tổ chức bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội tại các dự án khu dân cư, khu đô thị, khu nhà ở theo quy định;

b) Hướng dẫn hoặc chủ trì tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho Bên tiếp nhận trong quá trình tiếp nhận bàn giao đối với các dự án khu dân cư, khu đô thị, khu nhà ở. Trường hợp vượt quá thẩm quyền, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

c) Khi tổ chức thực hiện thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án khu dân cư, khu đô thị, khu nhà ở theo thẩm quyền hoặc kiểm tra danh mục, kế hoạch bàn giao tiếp nhận trong báo cáo nghiên cứu khả thi dự án không thuộc thẩm quyền thẩm định hoặc khi có văn bản thông báo về nhà ở đủ điều kiện được bán, cho thuê mua hoặc về việc đất đã có hạ tầng kỹ thuật đủ điều kiện được chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho cá nhân tự xây nhà ở thì phải kiểm tra, đánh giá nội dung bàn giao quản lý bảo đảm tuân thủ đúng quy định tại Điều 31 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP và Điều 29 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

2. Các sở, ban, ngành liên quan:

a) Các sở, ban, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện trách nhiệm của Bên tiếp nhận đối với công trình được giao quản lý trực tiếp; có trách nhiệm phối hợp với Bên tiếp nhận trong quá trình kiểm tra, bàn giao đối với công trình bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Đóng góp ý kiến liên quan đến lĩnh vực, chức năng quản lý khi được lấy ý kiến thẩm định chủ trương đầu tư dự án, trong đó bảo đảm có nội dung sơ bộ danh mục và kế hoạch bàn giao quản lý theo quy định hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Thực hiện trách nhiệm của Bên tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội tại các dự án khu dân cư, khu đô thị, khu nhà ở thuộc phạm vi địa bàn quản lý theo phân cấp tại khoản 2 Điều 7 Quy định này;

b) Trong quá trình tiếp nhận bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động phối hợp với Sở Xây dựng và các sở chuyên ngành để được hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc kịp thời.

Điều 13. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với trường hợp dự án khu dân cư, khu đô thị, khu nhà ở đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành nhưng trong Báo cáo nghiên cứu khả thi chưa xác định cụ thể danh mục công trình bàn

giao thì Bên bàn giao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bên tiếp nhận lập danh mục và kế hoạch bàn giao quản lý chi tiết, báo cáo cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra, đánh giá và thống nhất trước khi tổ chức bàn giao.

2. Đối với các dự án đang triển khai thực hiện, các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội đã bàn giao trước ngày Quy định này có hiệu lực thì giữ nguyên kết quả bàn giao; các hạng mục công trình còn lại chưa bàn giao thì phải thực hiện theo Quy định này.

Phụ lục

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH BÀN GIAO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 154/2026/QĐ-UBND)

1. Hệ thống giao thông

Tên	Theo hồ sơ quy hoạch				Theo hồ sơ thiết kế				Theo hồ sơ hoàn công				Ghi chú
	Chiều dài (m)	Chiều rộng mặt cắt ngang (m)	Kết cấu mặt đường, cầu	Kết cấu mặt vỉa hè, lề bộ hành	Chiều dài (m)	Chiều rộng mặt cắt ngang (m)	Kết cấu mặt đường, cầu	Kết cấu mặt vỉa hè, lề bộ hành	Chiều dài (m)	Chiều rộng mặt cắt ngang (m)	Kết cấu mặt đường, cầu	Kết cấu mặt vỉa hè, lề bộ hành	
Đường…													
Cầu, cống ngang…													
…													
Tổng cộng	L = …m; S = …m^2				L = …m; S = …m^2				L = …m; S = …m^2				

2. Hệ thống thoát nước:

Tên đường	Theo hồ sơ quy hoạch				Theo hồ sơ thiết kế				Theo hồ sơ hoàn công				Ghi chú
	Hệ thống thoát nước mặt		Hệ thống thoát nước sinh hoạt		Hệ thống thoát nước mặt		Hệ thống thoát nước sinh hoạt		Hệ thống thoát nước mặt		Hệ thống thoát nước sinh hoạt		
	Số lượng giếng thu	Kích thước và chiều dài cống	Số lượng giếng thu	Kích thước và chiều dài cống	Số lượng giếng thu	Kích thước và chiều dài cống	Số lượng giếng thu	Kích thước và chiều dài cống	Số lượng giếng thu	Kích thước và chiều dài cống	Số lượng giếng thu	Kích thước và chiều dài cống	

Đường…	…cái	Ø…: …m	…cái	Ø…: …m	…cái	Ø…: …m	…cái	Ø…: …m	…cái	Ø…:…m	…cái	Ø…: …m	
Đường…	…cái	Ø…:…m	…cái	Ø…: …m	…cái	Ø…: …m	…cái	Ø…: …m	…cái	Ø…:…m	…cái	Ø…: …m	
Tổng cộng	…cái	Ø…:…m	…cái	Ø…: …m	…cái	Ø… …m	…cái	Ø…: …m	…cái	Ø…:…m	…cái	Ø…: …m	

3. Hệ thống cây xanh:

Tên đường	Theo hồ sơ quy hoạch			Theo hồ sơ thiết kế			Theo hồ sơ hoàn công			Ghi chú
	Chủng loại cây	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại cây	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại cây	Đơn vị tính	Số lượng	
Đường…										
Đường…										
Công viên										
Tổng cộng										

4. Hệ thống chiếu sáng:

Tên đường	Theo hồ sơ quy hoạch				Theo hồ sơ thiết kế				Theo hồ sơ hoàn công				Ghi chú
	Số lượng trụ đèn	Khoảng cách, cách bố trí đèn	Loại đèn, công suất đèn	Chiều cao, cách bố trí đèn	Số lượng trụ đèn	Khoảng cách, cách bố trí đèn	Loại đèn, công suất đèn	Chiều cao, cách bố trí đèn	Số lượng trụ đèn	Khoảng cách, cách bố trí đèn	Loại đèn, công suất đèn	Chiều cao, cách bố trí đèn	
Đường…	… trụ	…m	…; …W	…m;	… trụ	…m	…; …W	…m:	… trụ	…m	…; …W	…m;	

Đường…	… trụ	…m	…; …W	…m;	… trụ	…m	…; …W	…m:	… trụ	…m	…; …W	…m;	
Công viên	… trụ	…m	…; …W	…m;	… trụ	…m	…; …W	…m:	… trụ	…m	…; …W	…m;	
Tổng cộng	… trụ	…m	…; …W	…m;	… trụ	…m	…; …W	…m:	… trụ	…m	…; …W	…m;	

5. Hệ thống cấp nước và chữa cháy:

Tên đường	Theo hồ sơ quy hoạch				Theo hồ sơ thiết kế				Theo hồ sơ hoàn công				Ghi chú
	Hệ thống cấp nước		Hệ thống chữa cháy		Hệ thống cấp nước		Hệ thống chữa cháy		Hệ thống cấp nước		Hệ thống chữa cháy		
	Số lượng đồng hồ nước	Kích thước và chiều dài ống cấp nước	Số lượng trụ cứu hỏa	Đường kính, khoảng cách trụ cứu hỏa	Số lượng đồng hồ nước	Kích thước và chiều dài ống cấp nước	Số lượng trụ cứu hỏa	Đường kính, khoảng cách trụ cứu hỏa	Số lượng đồng hồ nước	Kích thước và chiều dài ống cấp nước	Số lượng trụ cứu hỏa	Đường kính, khoảng cách trụ cứu hỏa	
Đường…	…cái	Ø…: …m	…trụ	Ø…: …m	…cái	Ø…: …m	…trụ	Ø…: …m	…cái	Ø…: …m	…trụ	Ø…: …m	
Đường…	…cái	Ø…: …m	…trụ	Ø…: …m	…cái	Ø…: …m	…trụ	Ø…: …m	…cái	Ø…: …m	…trụ	Ø…: …m	
Đường…	…cái	Ø…: …m	…trụ	Ø…: …m	…cái	Ø…: …m	…trụ	Ø…: …m	…cái	Ø…: …m	…trụ	Ø…: …m	
Đường…	…cái	Ø…: …m	…trụ	Ø…: …m	…cái	Ø…: …m	…trụ	Ø…: …m	…cái	Ø…: …m	…trụ	Ø…: …m	
Tổng cộng	…cái	Ø…: …m	…trụ	Ø…: …m	…cái	Ø…: …m	…trụ	Ø…: …m	…cái	Ø…: …m	…trụ	Ø…: …m	

6. Hệ thống cấp điện:

Tên đường	Theo hồ sơ quy hoạch				Theo hồ sơ thiết kế				Theo hồ sơ hoàn công				Ghi chú
	Nguồn điện cấp	Số lượng trạm biến áp	Số lượng trụ điện, tủ điện	Cách bố trí dây (ngầm hay trên cao)	Nguồn điện cấp	Số lượng trạm biến áp	Số lượng trụ điện, tủ điện	Cách bố trí dây (ngầm hay trên cao)	Nguồn điện cấp	Số lượng trạm biến áp	Số lượng trụ điện, tủ điện	Cách bố trí dây (ngầm hay trên cao)	
Đường…	… vol	… cái	…trụ:…cái		… vol	… cái	…trụ:…cái		… vol	… cái	…trụ:…cái		
Đường…	… vol	… cái	…trụ:…cái		… vol	… cái	…trụ:…cái		… vol	… cái	…trụ:…cái		
Tổng cộng	… vol	… cái	…trụ:…cái		… vol	… cái	…trụ:…cái		… vol	… cái	…trụ:…cái		

7. Hệ thống xử lý nước thải:

Hạng mục	Theo hồ sơ quy hoạch		Theo hồ sơ thiết kế		Theo hồ sơ hoàn công		Ghi chú
	Công suất (m^3/ngđ)	Kích thước A (m) x B(m) x H (m)	Công suất (m^3/ngđ)	Kích thước A (m) x B(m) x H (m)	Công suất (m^3/ngđ)	Kích thước A (m) x B (m) x H (m)	
Trạm bơm							
Trạm xử lý nước thải							

Nhà máy xử lý nước thải							
…							

8. Công trình hào và tuy nen kỹ thuật:

Tên đường	Theo hồ sơ quy hoạch			Theo hồ sơ thiết kế			Theo hồ sơ hoàn công			Ghi chú
	Bể cáp (kích thước và số lượng)	Ống chờ (kích thước và số lượng)	Hào kỹ thuật (kích thước và chiều dài m)	Bể cáp (kích thước và số lượng)	Ống chờ (kích thước và số lượng)	Hào kỹ thuật (kích thước và chiều dài)	Bể cáp (kích thước và số lượng)	Ống chờ (kích thước và số lượng)	Hào kỹ thuật (kích thước và chiều dài)	
Tuyến đường…	….	….	….	….	….	….	….	….	….	
Tuyến đường….	….	….	….	….	….	….	….	….	….	
Tổng cộng	….	….	….	….	….	….	….	….	….	